

Bản án số: 35/2018/HN-ST

Ngày: 06/9/2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi

2. Ông Phan Kim Mỹ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hải Yến – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận H tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án thụ lý số 177/2018/TLST-HN ngày 17 tháng 4 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2018/QĐST – HNGĐ ngày 16/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Duy Nh, sinh năm 1951

Địa chỉ: Số 276 đường Trần Quốc Toản, KP 3, Phường BĐ, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 201, chung cư AP, tổ 58, Khu phố 5, Phường AP, Quận H.

(Ông Nh xin vắng mặt, bà V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác, nguyên đơn là ông Lưu Duy Nh trình bày: ông và bà Lê Thị V tự nguyện kết hôn năm 1977 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, tỉnh HT (nay là Thành phố HN). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 1986 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn hòa thuận, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, liên lạc với nhau, ông Nh sống tại thành

phố BH, tỉnh ĐN, bà V sống tại Thành phố Hà Nội. Ông bà có 02 con chung là Lưu Việt Th (nam), sinh ngày 1979 và Lưu Hồng D (nam), sinh năm 1981. Hiện nay con chung đã trưởng thành, ông Nh muốn ổn định cuộc sống nên ông yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà V. Tài sản chung không có. Ngoài ra, ông Nh cũng đề nghị được xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai của bà Lê Thị V trình bày: Bà xác nhận về thời điểm kết hôn và con chung đúng như lời trình bày của ông Nh. Bà và ông Nh không còn chung sống với nhau từ năm 1986 đến nay, bà cho rằng ông Nh đã có người phụ nữ khác nên không còn quan tâm đến bà. Nay với yêu cầu ly hôn của ông Nh bà không đồng ý. Tại các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa bà V cũng vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại Quận H nên căn cứ căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận H.

Ông Lưu Duy Nh là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông Nh.

Bà Lê Thị V là bị đơn dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà V.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, ông Lưu Duy Nh như sau: Ông Lưu Duy Nh và bà Lê Thị V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn: không số, ngày 02/9/1977 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội). Hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Ông Nh và bà V cùng có lời khai sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó hai ông bà xảy ra mâu thuẫn, từ năm 1986 đến nay ông bà không còn chung sống cùng nhau nữa, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn

nhân không đạt được. Trong thời gian ly thân, hai ông bà đã nhiều lần nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn nhưng với yêu cầu ly hôn của ông Nh bà V không đồng ý, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập nhiều lần bà V đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do. Điều này vừa chứng tỏ bà V không tôn trọng quy định của pháp luật, không chấp hành yêu cầu triệu tập của tòa án, vừa thể hiện ý thức không quan tâm, coi trọng hôn nhân của chính bản thân bà. Từ những nhận định ở trên, có thể thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa ông Nh và bà V là trầm trọng, hai ông bà ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc cho các bên nên yêu cầu ly hôn của ông Nh là có cơ sở để chấp nhận.

Hai con chung là Lưu Việt Thái, sinh ngày 17/02/1979 và Lưu Hồng Điệp, sinh ngày 20/02/1981 hiện nay đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Tài sản chung: ông Nh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận H là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 243, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Luật người cao tuổi năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lưu Duy Nh. Ông Lưu Duy Nh được ly hôn với bà Lê Thị V.

2. Về con chung: Hai con chung tên Lưu Việt Thái (nam), sinh ngày 17/02/1979 và Lưu Hồng Điệp (nam), sinh ngày 20/02/1981, hiện đã trưởng thành.

3. Không giải quyết tài sản chung.

4. Về án phí: Ông Lưu Duy Nh được miễn toàn bộ tiền án phí. Bà Lê Thị V không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSNDQ2, Tp.HCM;
- THAQ2, Tp.HCM;
- UBND xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa,
Thành phố Hà Nội);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Phùng Thị Như Mai